

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày 31/03/2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Chương
- Ông Hồ Sỹ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 878/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ - Ngân hàng TMCP V;

- Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho:

- Ông Trần Văn T1 – Trưởng Bộ phận Xử lý nợ, vắng mặt.

- Ông Trần Quốc H – Trưởng Bộ phận Xử lý nợ, vắng mặt.

- Bà Quan Thị Cẩm N – Chuyên viên Xử lý nợ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Bị đơn*: Ông Phạm Quốc T2, sinh năm 1984, vắng mặt

Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ do Tòa án thu thập: Số H - 3/19 Trung tâm đô thị C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện tại do bị đơn cung cấp: Số A H, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V1) chi nhánh T3 cho ông Phạm Quốc T2 vay vốn theo các hợp đồng cho vay như sau:

1. Hợp đồng cho vay số: LN2303038525160 ký ngày 06/03/2023:

Số tiền vay: 15.270.000.000 đồng (Mười lăm tỷ, hai trăm bảy mươi triệu đồng), thời gian vay 300 tháng, từ ngày 24/03/2023 đến ngày 24/03/2048, mục đích vay vốn: Mua BĐS tại thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 5, tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, lãi suất cho vay: 13.89%/năm, cố định trong 12 tháng, sau đó lãi suất trong hạn sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo.

2. Hợp đồng cho vay số: LN2303178657305 ký ngày 12/04/2023:

Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời gian vay: 120 tháng, từ ngày 17/04/2023 đến ngày 17/04/2033, mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng mua sắm dụng cụ gia đình, lãi suất 15.4% năm, cố định trong 12 tháng, sau đó lãi suất trong hạn sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo.

3. Hợp đồng cho vay số: LN2308290127104 ký ngày 30/08/2023:

Số tiền vay: 2.251.881.458 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi một triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng); thời gian vay: 120 tháng, từ ngày 31/08/2023 đến ngày 31/08/2033, mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm dụng cụ gia đình, lãi suất cho vay: 12%/năm, cố định trong 12 tháng, sau đó lãi suất trong hạn sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo.

4. Hợp đồng cho vay số: LN2308290127148 ký ngày 30/08/2023:

Số tiền vay: 512.883.422 đ (Năm trăm mười hai triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng), thời gian vay: 120 tháng, từ ngày 31/08/2023 đến ngày 31/8/2033, mục đích vay vốn: vay tiêu dùng mua sắm dụng cụ gia đình, lãi suất cho vay: 12%, cố định trong 12 tháng, sau đó lãi suất

trong hạn sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là:

Thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 5 tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 001061, Số vào sổ cấp GCN: CS14685 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/03/2022. Ngày 07/04/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B – Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Quốc T2. Hợp đồng thế chấp số LN2303178657305 ký ngày 12/04/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/04/2023, số công chứng 1253; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 30/08/2023, số công chứng 3115, đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 12/04/2023.

Quá trình sử dụng vốn vay, ông Phạm Quốc T2 thanh toán nợ cho Ngân hàng đến ngày 15/05/2024. Sau đó, ông T2 đã không tiếp tục thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 15/05/2024, khoản vay của ông T2 tại V1 theo các Hợp đồng cho vay số LN2303038525160 ngày 06/03/2023; Hợp đồng cho vay số: LN2303178657305 ngày 12/04/2023; Hợp đồng cho vay số: LN2308290127104 ngày 30/08/2023; Hợp đồng cho vay số: LN2308290127148 ngày 30/08/2023 đã chuyển nợ quá hạn.

Dư nợ tạm tính đến ngày 27/03/2025 là: 23.253.832.286 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 18.644.413.290 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 27/03/2025 là: 4.609.418.996 đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng: LN2303038525160 ngày 06/03/2023: nợ gốc 15.163.956.410 đồng, lãi: 4.122.005.634 đồng, tổng: 19.285.962.044 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: LN2303178657305 ngày 12/04/2023: Nợ gốc 900.004.000 đồng, lãi 117.053.020 đồng, tổng: 1.017.057.020 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: LN2308290127104 ngày 30/08/2023: Nợ gốc 2.101.761.458 đồng, lãi 301.821.703 đồng, tổng: 2.403.583.161 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: LN2308290127148 ngày 30/08/2023: Nợ gốc 478.691.422 đồng, lãi: 68.538.639 đồng, tổng: 547.230.061 đồng.

Tổng 04 hợp đồng: Gốc: 18.644.413.290 đồng, lãi: 4.609.418.996 đồng, tổng: 23.253.832.286 đồng.

Số tiền ông T2 thanh toán cho V1 tạm tính đến ngày 27/03/2025 là 2.947.007.435 đồng, trong đó nợ gốc: 390.351.590 đồng, nợ lãi: 2.556.655.845 đồng. V1 đã nhiều lần mời ông T2 làm việc, tạo điều kiện về thời gian và đề nghị thanh toán nợ vay nhưng khách hàng vẫn không trả nợ vay cho Ngân hàng.

Yêu cầu của V1:

1. Buộc ông Phạm Quốc T2 phải thanh toán cho V1 một lần theo các hợp đồng cho vay nêu trên số tiền: 23.253.832.286 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ,

hai trăm năm mươi ba triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 18. 644.413.290 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 27/03/2025 là: 4.609.418.996 đồng.

Ngoài ra ông Phạm Quốc T2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng trên từ ngày 28/03/2025 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

2. Trường hợp ông Phạm Quốc T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp: Thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DD001061, số vào sổ cấp GCN: CS14685 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/03/2022. Ngày 07/04/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B – Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Quốc T2. Hợp đồng thế chấp số LN2303178657305 ký ngày 12/04/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/04/2023, số công chứng 1253; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 30/08/2023, số công chứng 3115, đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 12/04/2023.

Trường hợp khi phát mãi tài sản đảm bảo nêu trên mà ông Phạm Quốc T2 vẫn chưa trả hết nợ thì ông Phạm Quốc T2 vẫn tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

Bị đơn ông Phạm Quốc T2:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Phạm Quốc T2 yêu cầu đến Tòa án để làm việc nhưng ông T2 vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến về nội dung vụ án. Đến ngày 25/02/2025 ông Phạm Quốc T2 mới có gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt qua hệ thống bưu chính viễn thông.

Theo Phiếu xác minh số 99/2024/PYC/XM ngày 20/12/2024 của Tòa án tại Công an phường T, thành phố V thì ông Phạm Quốc T2 không còn hộ khẩu thường trú tại số B N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã chuyển về: Số H - 3/19 Trung tâm đô thị C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ ngày 21/08/2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thủ tục, nguyên tắc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí Nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích lợi nhuận nên là hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn ông Phạm Quốc T2 đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng ông T2 không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn ông T2 theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (Viết tắt V1) đối với ông Phạm Quốc T2:

Theo các Hợp đồng cho vay thì V1 đã cho ông Phạm Quốc T2 vay theo 4 hợp đồng cho vay, cụ thể:

Hợp đồng cho vay số: LN2303038525160 ký ngày 06/03/2023, số tiền vay: 15.270.000.000 đồng, thời gian vay 300 tháng từ ngày 24/03/2023 đến ngày 24/03/2048, mục đích vay để mua bất động sản là thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 5, tại thị trấn Đ, huyện Đ, nay là huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, lãi suất cho vay: 13.89%/năm.

Hợp đồng cho vay số: LN2303178657305 ký ngày 12/04/2023, số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, thời gian vay 120 tháng từ ngày 17/04/2023 đến ngày 17/04/2033, mục đích vay tiêu dùng mua sắm dụng cụ gia đình, lãi suất 15.4% năm.

Hợp đồng cho vay số: LN2308290127104 ký ngày 30/08/2023, số tiền vay: 2.251.881.458 đồng, thời gian vay 120 tháng từ ngày 31/08/2023 đến ngày 31/08/2033, mục đích vay tiêu dùng mua sắm dụng cụ gia đình, lãi suất cho vay: 12%/năm.

Hợp đồng cho vay số: LN2308290127148 ký ngày 30/08/2023, số tiền vay: 512.883.422 đồng, thời gian vay 120 tháng từ ngày 31/08/2023 đến ngày 31/8/2033, mục đích vay tiêu dùng mua sắm dụng cụ gia đình, lãi suất cho vay: 12%.

Lãi suất cho vay của 4 hợp đồng cho vay trên đều cố định trong 12 tháng, sau đó lãi suất trong hạn sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý tiếp theo.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại các hợp đồng cho vay nêu trên: Thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 5 có diện tích 6.880,4m² tại thị trấn Đ, huyện Đ, nay là huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DD 001061 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/03/2022 cấp cho ông Phạm Đức D1, bà Đỗ Thị Thu H1, cập nhật chuyển nhượng cho ông Phạm Quốc T2 ngày 07/04/2023.

Quá trình sử dụng vốn vay, ông Phạm Quốc T2 đã thanh toán nợ cho V1 theo 4 hợp đồng cho vay với số tiền là 2.947.007.435 đồng, trong đó nợ gốc: 390.351.590 đồng, nợ lãi: 2.556.655.845 đồng, nhưng kể từ ngày 15/05/2024 đến nay, ông T2 không thanh toán, không có thiện chí trả nợ, mặc dù V1 đã có Thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn số 10385/2024/VPB PN ngày 12/9/20024 gửi cho ông T2. Tuy nhiên ông T2 không thực hiện đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến kỳ hạn thanh toán như thỏa thuận theo hợp đồng cho vay được lập giữa hai bên nên V1 đã chuyển sang nợ quá hạn và thực hiện việc khởi kiện thu hồi khoản vay.

Xét việc ký kết hợp đồng cho vay giữa V1 và ông T2: Nội dung các hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Ông T2 đã vi phạm thời hạn nghĩa vụ trả nợ lại cố tình lẩn tránh, không có thiện chí hợp tác trong việc giải quyết nợ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của V1 buộc ông T2 thanh toán số nợ tính đến ngày 27/03/2025 là 23.253.832.286 đồng, trong đó nợ gốc: 18. 644.413.290 đồng; nợ lãi: 4.609.418.996 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 28/03/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất được quy định tại 4 (bốn) Hợp đồng cho vay đã ký kết giữa V1 và ông T2 là phù hợp pháp luật cần được chấp nhận. Yêu cầu thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số LN 2303178657305 ngày 12/04/2023, số công chứng 1196, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/04/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/04/2023, số công chứng 1253, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/04/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 30/08/2023, số công chứng 3115, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2023, công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số G N, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ nay là huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 12/04/2023. Tài sản thế chấp là thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 5, có diện tích 6.880,4m², mục đích sử dụng: Đất ở 540m², đất trồng lúa nước còn lại 473m², đất trồng cây hàng năm khác 5.867,4m² tại thị trấn Đ, huyện Đ, nay là huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mặc dù ông T2 không cung cấp văn bản ý kiến và Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai đối với ông T2 để làm rõ quan điểm về yêu cầu khởi kiện của V2. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định việc ông T2 ký kết hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng chứng thực với V1 để thực hiện việc vay vốn của ông T2 là đúng theo quy định tại Điều 562, 563, 565, 566 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu ghi nhận hiện trạng tài sản thế chấp là đất trống, chỉ có cây cỏ đại mộc hoang, không có công trình xây dựng trên đất. Như vậy, hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có giá trị pháp lý, nếu ông T2 không thanh toán được toàn bộ số nợ thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay.

Quá trình tố tụng cũng như tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản ông T2 đang độc thân, trên đất không có nhà ở công trình xây dựng trên đất nên Tòa án xác định không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, điều tra xác minh thu thập chứng cứ là 10.000.000 đồng, ông T2 phải chịu. Do Ngân hàng TMCP V đã nộp tạm ứng nên ông T2 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn ông T2 phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho V1 là 131.253.832 đồng. Nguyên đơn V1 không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.900.000 đồng.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Phạm Quốc T2.

1. Buộc ông Phạm Quốc T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền tính đến ngày 27/03/2025 là: 23.253.832.286đ (Bằng chữ:

Hai mươi ba tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 18.644.413.290đ (Bằng chữ: Mười tám tỷ, sáu trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm mười ba ngàn, hai trăm chín mươi đồng); nợ lãi là: 4.609.418.996đ (Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm lẻ chín triệu, bốn trăm mười tám ngàn, chín trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 28/03/2025, ông Phạm Quốc T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 04 hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2. Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Phạm Quốc T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V (V1) được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

Thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 5 có diện tích 6.880,4m² (đất ở 540m², đất trồng lúa nước còn lại 473m², đất trồng cây hàng năm khác 5.867,4m²) tại thị trấn Đ, huyện Đ, nay là huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DD 001061 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/03/2022 cấp cho ông Phạm Đức D1, bà Đỗ Thị Thu H1, cập nhật chuyển nhượng cho ông Phạm Quốc T2 ngày 07/04/2023.

Tài sản gắn liền với đất: Không có. Hợp đồng thế chấp số LN 2303178657305 ngày 12/04/2023, số công chứng 1196, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/04/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/04/2023, số công chứng 1253, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/04/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 30/08/2023, số công chứng 3115, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2023, công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số G N, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ nay là huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 12/04/2023.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông Phạm Quốc T2 tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) cho đến khi thanh toán dứt nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, điều tra xác minh thu thập chứng cứ là 10.000.000đ (Bằng chữ: Mười triệu đồng), ông Phạm Quốc T2 phải chịu. Do Ngân hàng TMCP V (V1) đã nộp tạm ứng nên ông Phạm Quốc T2 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 10.000.000đ (Bằng chữ: Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Ông Phạm Quốc T2 phải nộp 131.253.832đ (Bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, hai trăm năm mươi ba ngàn tám trăm ba mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 63.900.000 đ (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004753 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

